

c) Cấp hiệu kết hợp phủ hiệu của học viên các trường đào tạo hạ sĩ quan có 1 vạch dọc màu vàng 3 ly, ở giữa có hình quân chủng, binh chủng hoặc ngành nghề chuyên môn, không có sao.

Điều 6. — Lễ phục của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam :

1. Khi dự các ngày lễ 1-5, 2-9, 22-12, Đại hội đảng toàn quốc hoặc đi dự lễ ngoại giao, ngày Quốc tang, sĩ quan cấp tướng và cấp tá mặc lễ phục mùa hè màu xám nhạt, mùa đông màu cổ úa thẫm, theo kiểu thống nhất :

a) Cấp tướng :

— Mũ kê-pi có viền đỏ, có quai tết màu vàng, có hai cành tùng bao quanh quân hiệu.

— Áo ngoài cổ mở, một hàng cúc màu vàng có hình sao giữa hai bông lúa, hai túi dưới chím, cổ áo viền theo màu của từng quân chủng và bộ đội biên phòng, trên ve cổ áo có cành tùng và một ngôi sao vàng.

— Quần như quân phục thường.

— Áo sơ-mi màu trắng, dài tay, cổ đứng.

— Cra-vát đen, thắt tay trắng.

— Giày đen có tất.

b) Cấp tá : Lễ phục của cấp tá như của cấp tướng, chỉ khác :

— Mũ kê-pi không có cành tùng bao quanh quân hiệu ;

— Ve cổ áo không có ngôi sao vàng, nhưng có hình quân chủng, binh chủng hoặc ngành nghề chuyên môn (đeo trực tiếp vào ve áo phía trong cành tùng).

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm quy định lễ phục của cấp úy, việc mặc lễ phục trong các ngày lễ khác và các trang phục thường dùng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 7. — Các quy định về quân hiệu, cấp hiệu, phủ hiệu và lễ phục trong nghị định này áp dụng cho cả sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ, dự bị và những sĩ

quan đã chuyển ra ngoài quân đội được phép mặc quân phục theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 8. — Bãi bỏ Điều lệ quy định quân hiệu, cấp hiệu, phủ hiệu và lễ phục của Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo nghị định số 307-TTg ngày 20-6-1958 và những quy định trước đây trái với nghị định này.

Điều 9. — Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

NGHỊ ĐỊNH số 177-HĐBT ngày 18-10-1982 về việc phân ngành kinh tế quốc dân.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4-7-1981 ;

Căn cứ yêu cầu của công tác kế hoạch hóa, công tác quản lý kinh tế và thông tin kinh tế ;

Theo đề nghị của tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay phân ngành kinh tế quốc dân (gọi chung là ngành kinh tế cấp I) gồm 16 ngành sau đây :

1. Ngành công nghiệp.
2. Ngành xây dựng.
3. Ngành nông nghiệp.
4. Ngành lâm nghiệp.
5. Ngành giao thông vận tải.

6. Ngành bưu điện thông tin liên lạc.
7. Ngành thương nghiệp, cung ứng vật tư và thu mua.
8. Các ngành sản xuất vật chất khác.
9. Ngành sự nghiệp nhà ở, phục vụ công cộng, phục vụ sinh hoạt và du lịch.
10. Ngành khoa học.
11. Ngành giáo dục và đào tạo.
12. Ngành văn hóa và nghệ thuật.
13. Ngành y tế, bảo hiểm xã hội, thể dục thể thao.
14. Ngành tài chính, tín dụng và bảo hiểm Nhà nước.
15. Ngành quản lý Nhà nước.
16. Các ngành không sản xuất vật chất khác.

Điều 2. — Căn cứ vào nghị định này, Tổng cục Thống kê quy định việc phân ngành kinh tế quốc dân chi tiết cấp II, cấp III và các bảng danh mục khác có liên quan.

Điều 3. — Nghị định này thay cho nghị định số 37-CP ngày 12-3-1974 và các quy định về phân ngành kinh tế quốc dân trước đây.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Điều 4. — Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm phối hợp với thủ trưởng các Bộ, các Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng để hướng dẫn thi hành nghị định này.

Điều 5. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng, các bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TÓ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 195-HDBT ngày 14-12-1982 về việc thực hiện chế độ quyết toán vật tư trong nền kinh tế quốc dân.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ vào nghị quyết số 15-HDBT ngày 8-2-1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm; để khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý trong các khâu nhập, xuất, cung ứng, sử dụng và bảo quản vật tư; để nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc sử dụng vật tư tiết kiệm và có hiệu quả cao;

Theo đề nghị của tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc thành phần kinh tế quốc doanh và các thành phần kinh tế khác do trung ương [và địa phương quản lý được Nhà nước cung ứng vật tư, đều phải thực hiện chế độ quyết toán vật tư. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng (dưới đây gọi tắt là cấp Bộ) phải tổng hợp và báo cáo quyết toán vật tư của đơn vị cơ sở thuộc ngành quản lý. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương (dưới đây gọi tắt là cấp tỉnh) phải tổng hợp và báo cáo quyết toán vật tư của tất cả các đơn vị cơ sở thuộc phạm vi lãnh thổ của địa phương mình.

Điều 2. — Quyết toán vật tư là phải tổ chức tốt công tác hạch toán thống kê, kế toán thống kê, kế toán về nhập, xuất, sử dụng, tồn kho vật tư và xác định hiệu quả sử dụng vật tư trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Quyết toán vật tư phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

- a) Sự hình thành nguồn vật tư.